

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2022

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Q Vinh, ông Lê Văn La.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372 /2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022, về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Vi Văn L, sinh năm 1988.

ĐKKH: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cư trú tại: Thôn H , xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.(Có mặt).

* **Bị đơn:** Chị Ngô Thị Thanh Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Vi Văn L trình bày:*** Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô Ngô Thị Thanh Q có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2010 tại Ủy ban xã T, huyện C. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng chung sống tại xã T. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn vào năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh đi làm ăn xa, vợ chồng không quan tâm đến nhau, vợ chồng không liên hệ trò chuyện với nhau, vợ

chồng có cãi nhau, đến năm 2020 thì anh đi làm về, vợ chồng không ở cùng nhau, anh về nhà bố mẹ đẻ tại Lạng Sơn sinh sống từ đó đến nay, từ năm 2020 vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xác định không còn tình cảm với cô Q, nên anh xin được ly hôn với cô Q.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

- Vi Khánh M, sinh 20/08/2011.

- Vi M Q, sinh ngày 15/11/2014.

Hiện nay con đang ở với cô Q. Vợ chồng ly hôn thoả thuận cô Q sẽ nuôi 02 con chung của vợ chồng. Trường hợp cô Q không có đủ điều kiện nuôi 02 con anh sẽ nhận nuôi 01 con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trường hợp cô Q nhận nuôi 02 con anh sẽ cấp dưỡng mỗi con 1.500.000đồng/ tháng, 02 con là 3.000.000đồng/ tháng, anh cấp dưỡng hàng tháng, không có điều cấp dưỡng 01 lần, trường hợp mỗi người nuôi 01 con thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang làm nghề tự do, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập khoảng 05 triệu đến 06 triệu đồng / tháng, anh không có thu nhập và tài sản nào khác. Về tiền khi đi lao động nước ngoài năm 2015 thì hàng tháng anh đều gửi tiền về nuôi con cho cô Q mỗi tháng 500USD, anh gửi đến tháng 06/2019 thì không gửi nữa, do tình hình dịch bệnh CIVID 19 không có việc làm nên năm 2020 anh đã về Việt nam, từ năm 2020 đến nay anh vẫn gửi tiền về nuôi con nhưng không thường xuyên, được khoảng hơn 20 triệu đồng, anh vẫn mua thêm đồ cho con như 02 máy tính bảng của Sam Sung trị giá 13.000.000đồng, quần áo, đồ chơi cho 02 con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có tài sản chung, công nợ chung vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

*** Bị đơn chị Ngô Thị Thanh Q trình bày:** Về quan hệ hôn nhân chị và anh Vi Văn L đăng ký kết hôn ngày 16/11/2010 tại Ủy ban xã T, huyện C. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống tại xã T, anh L lấy chị và nhập khẩu vào gia đình chị, sinh sống cùng với gia đình chị. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn, năm 2015 khi anh L đi nước ngoài thì vợ chồng có hỏi thăm nhau, anh L hàng tháng có gửi tiền về nuôi con, cho đến giữa năm 2019 thì anh L không gửi tiền về cho chị nuôi con nữa. Năm 2020 anh L về

nước thì không về gia đình nhà chị chung sống, anh L không về nhà bố mẹ đẻ mà ở cùng với người phụ nữ khác tại Vĩnh Phúc, từ năm 2020 đến nay chị và anh L không quan tâm, hỏi han gì với nhau, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ và ly thân từ đó đến nay. Về tài liệu chứng cứ chứng minh anh L có quan hệ với người phụ nữ khác chị không có để nộp cho Tòa án. Xác định vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau. Nay anh L xin ly hôn chị đồng ý ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

- Vi Khánh M, sinh 20/08/2011.

- Vi M Q, sinh ngày 15/11/2014.

Hiện nay con đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị sẽ nuôi 02 con chung của vợ chồng. Chị không đồng ý để anh L nuôi con như anh L trình bày.

Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh L cấp dưỡng 3.000.000đồng / tháng cho 02 con và yêu cầu cấp dưỡng 01 lần cho 02 con là 360.000.000đồng. Chị không đồng ý nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng.

Hiện nay chị không biết anh L làm gì, chị không biết anh L có tài sản gì. Về việc anh L trình bày có gửi tiền về cho chị nuôi con mỗi tháng 500USD đến tháng 05/2019 thì không gửi nữa là đúng, có việc anh L mua đồ và cấp dưỡng nuôi con như anh L trình bày là đúng.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vi Khánh M và Vi M Q là con của chị Q, anh L các cháu có ý kiến: Hiện nay các cháu đang ở cùng với mẹ, bố mẹ các cháu không ở cùng với nhau, bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ các cháu.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm anh L trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về cấp dưỡng nuôi con anh chỉ có điều kiện cấp dưỡng hàng tháng, không có điều kiện cấp dưỡng 01 lần là 360.000.000đồng như chị Q trình bày, hiện nay anh không có tài sản, thu nhập ổn định, anh đi làm tự do vì không có giấy tờ bằng cấp để xin việc, gia đình cô Q giữ học bạ, bằng cấp 3 của anh, anh không làm được căn cước công dân vì gia đình cô Q không đưa cho anh sổ hộ khẩu để đi làm căn cước công dân. Nếu cô Q đồng ý nhận cấp dưỡng hàng tháng thì tại phiên tòa hôm

nay anh sẽ gửi cho cô Q 06 tháng tiền cấp dưỡng nuôi con trước là 18.000.000đồng, sau đó hàng tháng anh sẽ chuyển vào tài khoản của cô Q tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Q trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh L, về con chung chị nhận nuôi 02 con, hiện nay chị đi làm công nhân thu nhập khoảng 06 triệu đồng / tháng, chị đủ điều kiện để nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con chị đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/ 02 con/ tháng, chị đề nghị anh L cấp dưỡng 01 lần là 360.000.000đồng/ cho 02 con. Hôm nay anh L gửi chị trước 06 tháng tiền cấp dưỡng chị không đồng ý nhận, chị chỉ yêu cầu cấp dưỡng 01 lần hoặc chia làm 02. Về việc các giấy tờ tùy thân của anh L gia đình chị giữ nhưng anh L không về để xin lại.

- Cháu Vi Khánh M và Vi M Q có mặt tại phiên tòa trình bày: Các cháu đang học tại xã T, bố mẹ các cháu không ở với nhau các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn L.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Vi Văn L và chị Ngô Thị Thanh Q.

Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Thanh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vi Khánh M, sinh 20/08/2011 và Vi M Q, sinh ngày 15/11/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị Q mỗi con 1.500.000đồng/ tháng, 02 con là 3.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 11/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Anh Vi Văn L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Vi Văn L cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, chị Ngô Thị Thanh Q đang sinh sống tại xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; trong quá trình giải quyết vụ án.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn L và chị Ngô Thị Thanh Q đã đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2010 tại Ủy ban xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Q là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của anh L trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2020, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không còn tình cảm gì với nhau; chị Q thừa nhận vợ chồng không sống cùng với nhau từ năm 2020 đến nay, anh L và chị không quan tâm, chăm sóc nhau, anh L có đơn xin ly hôn, chị Q đồng ý ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng anh L, chị Q không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Vi Văn L và chị Ngô Thị Thanh Q.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Vi Khánh M, sinh 20/08/2011 và Vi M Q, sinh ngày 15/11/2014. Hiện nay hai con đang ở với chị Q. Vợ chồng ly hôn, chị Q có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con, anh L đồng ý để chị Q nuôi 02 con. Tại đơn trình bày của cháu Vi Khánh M và Vi M Q, các cháu đều có nguyện vọng ở với chị Q để tiếp tục đi học. Đối với yêu cầu giải quyết về con chung thì thấy: Hiện nay cháu Vi Khánh M và Vi M Q đã trên 07 tuổi, các cháu đang sinh

sống và học tập tại xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang cùng với mẹ là chị Q, anh L đang sinh sống tại tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “ Nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con” để đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt và để ổn định cuộc sống cho các con nên công nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh L, chị Q, giao con Vi Khánh M và Vi M Q cho chị Ngô Thị Thanh Q nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị anh L thực hiện quyền này.

Anh L, có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L trình bày chị Q nuôi 02 con chung mỗi tháng anh sẽ cấp dưỡng 3.000.000đồng / 02 con cho chị Q, chị Q đồng ý với mức cấp dưỡng 3.000.000đồng / 02/ tháng nhưng chị Q đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con 01 lần là 360.000.000đồng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q thì thấy: Hiện nay anh L không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản nào khác, chị Q không xác định được thu nhập của anh L, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thoả thuận. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý”. Về mức cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2, phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của TANDTC, cụ thể là “Toà án phải xem xét đến khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của người phải đóng góp phí tổn cũng như khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của người nuôi dưỡng con. Trong đó mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”. Tại Điều 11 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về phương thức cấp dưỡng thì Phương thức cấp dưỡng do các bên thoả thuận định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Hiện nay anh L không có việc làm, thu nhập ổn định, tại Tòa án anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1.500.000đồng/ tháng, hiện nay mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 1.490.000đồng/ tháng, mức cấp dưỡng nuôi con của anh L phù hợp theo quy định, chị Q đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của anh L. Về yêu cầu cấp dưỡng 01 lần cho 02 con

là 360.000.000đồng, thì thấy hiện nay anh L không có tài sản, không có việc làm, thu nhập ổn định anh L xác định không có đủ điều kiện cấp dưỡng 01 lần theo yêu cầu của chị Q, theo quy định tại Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về phương thức cấp dưỡng thì yêu cầu cấp dưỡng 01 lần như chị Q yêu cầu không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận sự tự nguyện của anh L về việc mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000đồng/ 01 con, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con cho chị Q 2 con là 3.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 11/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Anh L, chị Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Vi Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn L và chị Ngô Thị Thanh Q thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Thanh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vi Khánh M, sinh 20/08/2011 và Vi M Q, sinh ngày 15/11/2014.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh L thực hiện quyền này.

Anh L, chị Q có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vi Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con cho chị Q, mỗi con 1.500.000đồng/ tháng, 02 con là 3.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 11/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Vi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013157 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh L còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh L, chị Q có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Tân Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà